

Bản án số: 30/2022/DS-ST

Ngày: 26/7/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng
sử dụng thẻ tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Xuyên

2/ Ông Nguyễn Hữu Phúc

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 692/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 38/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 154/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A

Trụ sở chính: Lầu 8, số 266 – 268, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Lâm Thị T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 611C/A, đường C, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Ấp 5, tỉnh lộ 9, xã B, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2020, các lời khai và các biên bản không tiến hành hòa giải được trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A có ông S là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày:

Ngày 27/9/2007, bà Lâm Thị T có ký với Ngân hàng TMCP A (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín

dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Lâm Thị T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số 472074-9110, với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 261.520.353 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 321.065.773 đồng. Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Sacombank. Ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau: Phí trễ hạn là .511.465 đồng, phí vượt hạn mức là 7650.000 đồng, phí thường niên và phí thông báo giao dịch là 8.091.000 đồng, lãi trong hạn là 49.170.780 đồng. Sau khi trừ hết các khoản trên theo thứ tự thì số tiền gốc còn lại là 5.811.825 đồng. Bà T sử dụng thẻ từ tháng 9/2007 đến tháng 10/2019 và có thanh toán đều cho Ngân hàng A nhưng đến tháng 2/2020 thì ngưng thanh toán. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Trúc vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/3/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc là 5.811.825 đồng áp dụng theo mức lãi suất quá hạn là 3.9%/tháng. Tiền lãi quá hạn kể từ ngày 01/3/2020 đến 09/5/2022 là 6.112.800 đồng.

Tính đến ngày 09/5/2022, bà Lâm Thị T còn nợ các khoản sau:

Nợ gốc: 5.877.825 đồng; Lãi quá hạn: 6.112.800 đồng

- Tổng cộng: 11.990.625 đồng (Bằng chữ: *Mười một triệu chín trăm chín mươi nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng*).

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu Lâm Thị T có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà Lâm Thị T vẫn chưa thanh toán nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Lâm Thị T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/5/2022 là 11.990.625 đồng (Bằng chữ: *Mười một triệu chín trăm chín mươi nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng*), trong đó: Nợ gốc: 5.877.825 đồng; Lãi quá hạn: 6.112.800 đồng. Ngoài ra bà Lâm Thị Trúc vẫn phải còn phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh từ ngày 10/5/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Khi ký kết hợp đồng do một mình bà Lâm Thị T và Ngân hàng cũng chỉ cấp một thẻ tín dụng cho bà Lâm Thị T, ngoài ra không cấp thêm thẻ phụ nào cả. Do đó Ngân hàng chỉ yêu cầu một mình bà Trúc phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ, ngoài ra không yêu cầu chồng bà Lâm Thị T phải thanh toán cùng.

Bị đơn bà bà Lâm Thị T đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định của pháp luật, nhưng bà Trúc vẫn không có mặt theo triệu tập nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của bà Trúc.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có ông S là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bản tự khai ngày 25/7/2022 ông S xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau: Do bà Lâm Thị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà T phải trả cho Ngân hàng TMCP A tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/07/2022 là 12.586.623 đồng (*Bằng chữ: Mười hai triệu, năm trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm hai mươi ba đồng*), trong đó: Nợ gốc: 5.877.825 đồng; Lãi quá hạn: 6.708.798 đồng. Ngoài ra bà T vẫn còn phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh từ ngày 27/07/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ Tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ kèm Hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ Tín dụng của Ngân hàng).

Bị đơn bà Lâm Thị T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

[1.1]. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A khởi kiện bị đơn bà Lâm Thị T phải trả số tiền nợ vay, nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng nên đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền: Xét Đơn yêu cầu chuyển vụ án ngày 01/11/2021 của Ông S là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã lựa chọn tòa án nơi thực hiện hợp đồng để giải quyết tranh chấp. Do đó căn cứ điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 3.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

[2.1]. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A có ông A là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án giải quyết vắng mặt nguyên đơn.

[2.2]. Bị đơn bà Lâm Thị T đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định

đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vắng mặt bà Lâm Thị T.

[3] Về áp dụng quy định pháp luật để giải quyết vụ án:

Xét giao dịch dân sự do các bên xác lập vào năm 2007 và đang thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A yêu cầu buộc bị đơn bà Lâm Thị T phải có trách nhiệm thanh toán số nợ tạm tính đến ngày 26/07/2022 là 12.586.623 đồng (*Bằng chữ: Mười hai triệu, năm trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm hai mươi ba đồng*), trong đó: Nợ gốc: 5.877.825 đồng; Lãi quá hạn: 6.708.798 đồng. Ngoài ra bà T vẫn còn phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh từ ngày 27/07/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ Tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ kiêm Hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ Tín dụng của Ngân hàng). Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được Ngân hàng A phê duyệt ngày 27/09/2007 thì giữa chủ thẻ chính là bà Lâm Thị T và bên phát hành thẻ là Ngân hàng A có thỏa thuận việc cấp và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế với hạn mức sử dụng là: 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Căn cứ các Bảng tóm tắt sao kê do Ngân hàng A và Sao kê chi tiết giao dịch của bà Lâm Thị T có số chứng minh nhân dân 02243925 do Ngân hàng A cung cấp thì bà T kích hoạt thẻ và bắt đầu sử dụng thẻ từ tháng 9/2007 đến tháng 10/2019 và có thanh toán đều cho Ngân hàng A, trong thời gian sử dụng thẻ bà T thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 261.520.353 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 321.065.773 đồng) trong đó Phí trễ hạn là 7.511.465 đồng, phí vượt hạn mức là 650.000 đồng, phí thường niên và phí thông báo giao dịch là 8.091.000 đồng, lãi trong hạn là 55.451.682 đồng. Sau khi trừ hết các khoản trên theo thứ tự thì số tiền gốc còn lại là 5.877.825 đồng. Kể từ tháng 02/2020 đến nay bà T không trả nợ cho Ngân hàng thêm bất kì khoản tiền nào khác.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”

Căn cứ Điều 280 Bộ luật Dân sự quy định: “*1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...*”.

Căn cứ Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định “... số tiền thanh toán sẽ được ưu tiên trừ vào các khoản phí, lãi trước sau đó sẽ trừ tiếp vào các khoản giao dịch.”

Căn cứ Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định “... *Chủ thẻ có trách nhiệm đối với việc thanh toán tất cả giao dịch và tất cả các khoản phí, chi phí phát sinh....*”.

Căn cứ Khoản 1, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng*”.

Xét Bị đơn – bà Lâm Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được Ngân hàng thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do đó việc Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc 5.877.825 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[4.2]. Đối với yêu cầu trả tiền lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 26/7/2022) là quá hạn: 6.708.798 đồng và buộc bà T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng A. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự quy định: “... 2. *Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...*”.

Căn cứ Khoản 2, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng qui định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

Căn cứ Điều 20 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định: “*Thanh toán sẽ áp dụng theo thứ tự sau : các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước ...*”.

Căn cứ Điều 22 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định: “*Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi suất phát sinh trên tài khoản ...*”.

Căn cứ Điều 23 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định: “*Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) ...*”.

Xét trong quá trình thanh toán nợ cho Ngân hàng, bị đơn bà Lâm Thị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ của bà Cúc sang nợ quá hạn kể từ ngày 01/3/2020 là phù hợp.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A về việc buộc bị đơn bà Lâm Thị T phải trả tiền lãi (tạm tính đến ngày 26/7/2022): 6.708.798 đồng và buộc bà T phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại A được chấp nhận nên bị đơn bà Lâm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 629.331 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280; Điều 463; Khoản 1 Điều 466: Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A

Buộc bà Lâm Thị T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền: 12.586.623 đồng (*Bằng chữ: Mười hai triệu, năm trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm hai mươi ba đồng*), trong đó: Nợ gốc: 5.877.825 đồng; Lãi quá hạn: 6.708.798 đồng. Việc thanh toán được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Lâm Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí phát sinh được tính theo Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng được Sacombank phê duyệt ngày 27/9/2007 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 629.331 đồng (*Sáu trăm hai mươi chín ngàn ba trăm ba mươi mốt đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền án phí đã tạm nộp là 300.000 đồng (*Mba trăm đồng*) theo biên lai thu số AA/2019/0032625 ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3;
- Chi cục Thi hành án Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Hoa